

Số/No.: 214.../2026/TB-VFCVND-TGD

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2026  
Hanoi, 21 April 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**  
**ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi/ To :  
- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange  
- Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam/ Viet Nam Securities Depository And Clearing Corporation  
- Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants and Investors

- Tên CTQLQ/ Fund Management Company: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát/ Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company

- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Thành/ Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Ha Thanh Branch

- Tên Quỹ ETF/ ETF name : Quỹ ETF VFCVN DIAMOND/ VFCVN DIAMOND ETF

- Mã chứng khoán/ Securities code: **FUETPVND**

- Địa chỉ/ Address : Tầng 11, tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, P. Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội/ 11F, Doji Tower, No. 5 Le Duan, Van Mieu-Quoc Tu Giam Ward, Ha Noi

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the components of the basket to exchange for one lot of ETF as follow:

- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date:

**20/04/2026**

- Đơn vị tính/Unit : 1 lô ETF tương đương 100,000 chứng chỉ quỹ ETF/ 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

STT/Order	Mã chứng khoán/Securities Code	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND) Volume/Amount	Tỷ lệ % trong danh mục/ Weight (%)	
<b>I. Chứng khoán/Stock</b>			<b>1,119,110,000</b>	<b>99.87%</b>
1	ACB	3,200	6.78%	
2	BMP	100	1.32%	
3	CTD	200	1.41%	
4	CTG	700	2.18%	
5	FPT	2,000	13.56%	
6	GMD	1,100	7.32%	
7	HDB	1,900	4.44%	
8	KDH	1,400	3.25%	
9	MBB	2,900	6.85%	
10	MSB	1,600	1.81%	
11	MWG	2,100	16.29%	
12	NLG	1,400	3.57%	
13	OCB	500	0.52%	
14	PNJ	1,000	9.91%	
15	REE	700	4.02%	
16	TCB	2,900	8.35%	
17	TPB	1,200	1.74%	
18	VPB	2,600	6.55%	
<b>II. Tiền/Cash</b>			<b>1,425,146</b>	<b>0.13%</b>
<b>III. Tổng/Total (=I+II)</b>			<b>1,120,535,146</b>	<b>100%</b>

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value:

- Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value:

1,119,110,000 VND

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF:

1,120,535,146 VND

- Giá trị chênh lệch/ Spread in value:

1,425,146 VND

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the spread

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ With subscription order : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

+ Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền (nếu có)/ *In case stock can be replaced by cash*:

Mã chứng khoán/Securities Code	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)/ <i>Cash amount is replaced for 1 share (VND)</i>	Đối tượng áp dụng/ <i>Applied investors</i>	Lý do/ <i>State the Reason</i>
FPT	83,600	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát/ <i>Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company</i>	Hạn chế đầu tư cổ phiếu của người liên quan/ <i>Restrictions on investment in related person shares</i>
TPB	17,875	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong/ <i>Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company, Tien Phong Securities Joint Stock Company</i>	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ, Nhà Đầu Tư hạn chế đầu tư/ <i>Restrictions on investment in parent company shares, Investor is restricted from investing.</i>

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)/ *State if component securities shall have corporate action (if any)*:

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other information (if any)*:

**Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria***

Chỉ tiêu/ <i>Criteria</i>	Kỳ này/ <i>This period</i> 20/04/2026(*)	Kỳ trước/ <i>Last period</i> 17/04/2026(**)	Chênh lệch/ <i>Changes</i>
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation Units were issued</i>			
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation Units were redeemed</i>			
3. Tổng số lượng CCQ đã đăng ký niêm yết/ <i>Issued Shares</i>	5,600,000	5,600,000	
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ <i>Close Price</i>	11,090	11,090	
5. Giá trị tài sản ròng/ <i>Net Asset Value</i> :			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	62,749,968,179	61,523,443,012	1,226,525,167
của một lô ETF/ <i>per Creation Unit</i>	1,120,535,146	1,098,632,910	21,902,236
của một chứng chỉ quỹ/ <i>per Share</i>	11,205.35	10,986.32	219.03
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Benchmark Index</i>	2,577.40	2,551.03	26.37

(\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 19/04/2026/ *Item 5 is net asset value calculated as at April 19, 2026*

(\*\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 16/04/2026/ *Item 5 is net asset value calculated as at April 16, 2026*

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ  
*Authorised representative of Fund Management Company*



TỔNG GIÁM ĐỐC  
**Võ Anh Tú**